

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HN  
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v “Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN TỈNH BÐ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Tó
2. Ông Lương Đình Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chánh Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã HN tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Khánh L, sinh năm 1984(CM)

Địa chỉ: Khu phố NA, phường HH, thị xã HN, tỉnh BÐ

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1988(VM)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BÐ

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Huỳnh Duy T, sinh năm 1984(VM)

Địa chỉ: Khu phố CC, phường HH, thị xã HN, tỉnh BÐ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn chị L, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Giữa chị L và chị N có quen biết, do đó, khi cần phí tổn để cho chồng là anh Huỳnh Duy T đi biển, ngày 20/6/2014 chị Nguyễn Thị Hải N đã mượn của

chị L số tiền 450.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần chị L yêu cầu trả nợ, nhưng chị L không trả. Nay chị yêu cầu tòa giải quyết buộc vợ chồng chị N anh T phải trả cho chị số tiền 450.000.000 đồng. Chị không yêu cầu lãi suất.

- Theo bản tự khai của bị đơn chị N trình bày như sau: Chị N chỉ thừa nhận hiện nay còn nợ chị L số tiền 250.000.000 đồng. Vay mượn có viết giấy mượn tiền, nhưng chị L là người giữ. Nay chị chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền 250.000.000 đồng và xin trả dần.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Duy T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tỉnh BD: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm vì để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị L buộc vợ chồng chị N phải trả chị L số tiền 450.000.000 đồng; án phí vợ chồng chị N phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị N thừa nhận có vay tiền của chị L, tuy nhiên số tiền cụ thể chị N chỉ thừa nhận là 250.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ tại cơ quan công an Thị xã HN thì thấy rằng chị N thừa nhận có nợ chị L số tiền 450.000.000 đồng và có viết giấy nợ cho chị L ngày 20/6/2014.

[2] Chị N cho rằng số tiền nợ 450.000.000 đồng, chị đã ghi cộng dồn với số tiền nợ 150.000.000 đồng của mẹ chồng chị là bà Võ Thị K. Tuy nhiên, cả chị N và bà K đã nhiều lần không có mặt để tiến hành đối chất làm rõ, đã thể hiện ý thức, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật; không có ý kiến, trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên cả hai phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Đối với anh Huỳnh Duy T là chồng chị N, đã cố tình nhiều lần vắng mặt, không chấp hành các thông báo của Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để phản đối các tài liệu hay lời trình bày của nguyên đơn. Trong quá trình cơ

quan công an thị xã HN tiến hành làm việc thì anh T có lúc thừa nhận có biết việc chị N mượn tiền, có lúc thì cho rằng mình không biết và không có trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, xét thấy chị N trình bày việc mượn tiền của chị L là nhằm mục đích phục vụ cho việc bỏ tiền phí cho tàu cá của anh T đi biển, như vậy số tiền mượn được sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Mặc dù chị N là người trực tiếp mượn và ký giấy nợ, nhưng bản chất vẫn là phục vụ chung cho cả hai vợ chồng chị N, anh T. Do vậy, anh T phải có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cùng với chị N là có căn cứ.

[4] Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là loại hợp đồng không thỏa thuận lãi, chị L trong quá trình giải quyết có cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi nhưng việc này không được chứng minh, cũng không được chị L thừa nhận nên không có cơ sở xem xét. Đồng thời tại phiên Tòa hôm nay, chị L cũng không yêu cầu chị N, anh T trả lãi. Xét thấy yêu cầu này của chị L là tự nguyện nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định hiện nay vợ chồng chị N, anh T còn nợ chị L số tiền 450.000.000 đồng. Buộc vợ chồng chị N, anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của chị L được chấp nhận nên vợ chồng chị L anh T phải nộp án phí theo quy định.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Các điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Khánh L. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Hải N và anh Huỳnh Duy T phải trả chị L số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các*

*khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N và anh T phải nộp 22.000.000 đồng(hai mươi hai triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả chi chị L số tiền 11.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007997 ngày 04/6/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN.

3/ Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Vương**